

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuận

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn H, xã V, huyện V1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07-5-2019 và Bản tự khai ngày 22-5-2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04-6-2008 tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên

xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, phong cách sống của hai bên không phù hợp, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống chung mệt mỏi, luôn phải chịu đựng nhau, không còn hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm giữa chị và anh T1 không cải thiện được. Từ tháng 02-2015, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở, sống ly thân với anh T1 cho đến nay. Trong thời gian này, chị và anh T1 bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung. Đến nay, chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 25-8-2008 và Nguyễn Bảo B, sinh ngày 12-5-2014. Từ khi chị và anh T1 sống ly thân, cháu Việt A ở với chị, cháu B ở với anh T1. Chị đề nghị được nuôi cháu Việt A, để anh T1 nuôi cháu B, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ chị ở thôn H, xã V, huyện V1, Hải Phòng và chị làm nghề lao động tự do có thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng đảm bảo việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T1 theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ nhưng anh T1 vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của anh T1.

Do chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh T1 theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh T1 theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Quang T1. Về con chung, giao cháu Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị Thùy phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Quang T1, cư trú tại: Tổ dân phố 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quang T1 vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 30-8-2019, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

Về hôn nhân:

[3] Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 04-6-2008 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị T và anh T1 kết hôn từ năm 2008. Anh, chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau và xúc phạm nhau. Nguyên nhân chủ yếu là anh, chị thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm và kinh tế dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn sự hòa hợp, hạnh phúc. Gia đình anh T1 cũng đã khuyên và hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 vẫn không thể cải thiện được. Từ khoảng tháng 02-2015, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn H, xã V, huyện V1 sinh sống. Từ đó đến nay, chị T và anh T1 sống ly thân. Chị T không còn nguyện vọng đoàn tụ. Thông qua người thân, anh T1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh và chị T nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Cho thấy, anh T1 không có thiện chí và mong muốn đoàn tụ với chị T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã không còn hạnh phúc, đời sống chung từ lâu đã không còn tồn tại, chị T và anh T1 không còn quan tâm đến nhau; không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ,

chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 25-8-2008 và Nguyễn Bảo B, sinh ngày 12-5-2014. Chị T đề nghị Tòa án giao cháu Việt A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu B cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Trong đơn đề nghị ngày 22-5-2019, cháu Việt A nêu nguyện vọng được ở với chị T, việc giao cháu Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị T và đảm bảo quyền lợi của cháu Việt A theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh T1 không tham gia tố tụng và cũng không giao nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh tại tổ dân phố 3, phường V, gia đình anh T1, xét thấy trong khoảng thời gian chị T và anh T1 sống ly thân từ tháng 02-2015 đến nay, cháu B sống cùng với anh T1, được anh T1 và gia đình anh T1 chăm sóc, dạy dỗ chu đáo, cuộc sống ổn định. Hơn nữa, bà Đinh Thị M là mẹ anh T1 có đơn gửi Tòa án kháng định, hiện nay anh T1 làm nghề lao động tự do, có thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng/tháng, hàng tháng anh T1 vẫn đưa tiền cho bà để chăm sóc cháu B giúp anh T1, anh T1 vẫn thường xuyên về nhà và biết được việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị T với anh. Anh T1 cũng đồng ý ly hôn và có quan điểm nhất trí để chị T nuôi cháu Việt A và anh nuôi cháu B và bà M cũng có cam kết sẽ phụ giúp anh T1 trông nom, chăm sóc cháu B tốt, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu B. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Việt A cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu B cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi của các cháu. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 **Điều 238**, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 25-8-2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo B, sinh ngày 12-5-2014 cho anh Nguyễn Quang T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006988 ngày 21-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Nguyễn Thị Loan

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường V;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Nguyễn Thị Loan

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường